TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2026.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lữ Văn Công
2. Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Như Ý. Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 452/2025/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXX - ST ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1989. (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Hồng T2, sinh năm 2000. (Có đơn xin vắng mặt).

Trú tại: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/11/2025 và quá trình tố tụng ông Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Hồng T2 có quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng với nhau trong quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Trần Văn T yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Hồng T2, yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Hồng T2.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Hồng T2 trình bày: Bà Thảo thống nhất với lời trình bày của ông T, cả hai chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2018 nhung không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống do không hợp nhau về tính cách, bất đồng với nhau trong quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông T. Đối với yêu cầu ly hôn của ông T bà đồng ý.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Hồng T2 có địa chỉ tại ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Thảo tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2018, nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống các hai phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau về tính cách, bất đồng với nhau trong quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét quá trình chung sống giữa ông T và bà Thảo không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 14 và Điều 53 thì hôn nhân giữa ông, bà không được pháp luật thừa nhận do đó khi có yêu cầu xin ly hôn Tòa án không công nhận ông T và bà Thảo là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông Trần Văn T chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1, Điều 39, Điều 92, Khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 14; Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn T và bà Nguyễn Hồng T2 là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009829 ngày 17/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 13 – Cần Thơ thành án phí. Ông T không phải nộp thêm.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 13 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 13 – Cần Thơ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhung